

Số: /KH-UBND

Chi Lăng, ngày tháng 5 năm 2026

## KẾ HOẠCH

### Thực hiện Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn xã Chi Lăng

Căn cứ Nghị định số 277/2025/NĐ-CP ngày 20/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 218/2025/QH15 của Quốc hội về phổ cập giáo dục mầm non (PCGDMN) cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi;

Căn cứ Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) quy định điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục (PCGD), xóa mù chữ;

Căn cứ Quyết định số 435/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Bắc Ninh ban hành Kế hoạch thực hiện PCGDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026 – 2030;

Căn cứ Hướng dẫn số 810/SGDĐT-GDMN ngày 21/3/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bắc Ninh và Hướng dẫn triển khai thực hiện phổ cập Giáo dục Mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

Căn cứ chỉ tiêu được giao về hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non năm 2026 của tỉnh Bắc Ninh.

Căn cứ tình hình thực tế về quy mô trẻ, đội ngũ, cơ sở vật chất trên địa bàn xã.

Ủy ban nhân dân xã Chi Lăng xây dựng “Kế hoạch thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn xã Chi Lăng”, cụ thể như sau:

#### Phần thứ nhất

### THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC MẦM NON VÀ PHỔ CẬP GIÁO DỤC MẦM NON CHO TRẺ EM NĂM TUỔI XÃ CHI LĂNG

#### I. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC MẦM NON

##### 1. Quy mô mạng lưới trường, lớp và trẻ em mầm non

Xã Chi Lăng hiện có 15 thôn trên cơ sở hợp nhất 3 xã: Chi Lăng, Hán Quảng, Yên Giả (thực hiện chính quyền 2 cấp từ 01/7/2025); Hệ thống mạng lưới trường, lớp mầm non (MN) phát triển phù hợp và đáp ứng tốt nhu cầu gửi con của nhân dân địa phương và cư dân cư trú trên địa bàn xã. Các cơ sở giáo dục mầm non (GDMN) ngoài công lập phát triển phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương.

Toàn xã hiện có 2 trường mầm non công lập, 1 cơ sở mầm non tư thục. Tổng số nhóm, lớp là 51; trong đó có 12 nhóm trẻ và 39 lớp mẫu giáo (bao gồm các lớp mẫu giáo 3-4 tuổi, 4-5 tuổi và 5-6 tuổi). Số lớp mẫu giáo 5-6 tuổi là 13 lớp; số lớp mẫu giáo 3-4 tuổi và 4-5 tuổi là 26 lớp.

Tổng số trẻ em MN ra lớp hiện tại là: Trẻ nhà trẻ là 302/876 trẻ, đạt tỷ lệ 37%; trẻ mẫu giáo là 926/946 trẻ, đạt 97,9%. Riêng trẻ em lớp mẫu giáo 3-4 tuổi và 4-5 tuổi ra lớp là 573/584 trẻ, đạt tỷ lệ 98,1%.

## **2. Chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ em MN**

Năm học 2025-2026, tiếp tục chỉ đạo thực hiện hiệu quả Chương trình GDMN, phát triển Chương trình giáo dục phù hợp với văn hóa, điều kiện của địa phương, của nhà trường, khả năng và nhu cầu của trẻ. Các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ được tổ chức theo quan điểm "Lấy trẻ làm trung tâm"; tăng cường các biện pháp nhằm nâng cao chất lượng công tác nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe và bảo đảm an toàn cho trẻ, chất lượng tổ chức và quản lý công tác bán trú trong các cơ sở GDMN. Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả các Chương trình, Kế hoạch, Chuyên đề nhằm góp phần nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN: Chuyên đề "Xây dựng trường MN lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2021-2025"; Kế hoạch triển khai Chương trình "Tôi yêu Việt Nam" trong cấp học MN; Kế hoạch cho trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh...

100% cơ sở GDMN trên địa bàn xã hoàn thành kế hoạch giáo dục, hoàn thành Chương trình GDMN và đảm bảo đáp ứng mục tiêu, kết quả mong đợi của Chương trình đối với các độ tuổi.

Cuối năm học 2024-2025, duy trì 100% cơ sở GDMN tổ chức học 2 buổi/ngày và tổ chức cho trẻ ăn bán trú; 100% số trẻ đến trường trên địa bàn được ăn bán trú, được theo dõi sức khỏe, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng của Tổ chức Y tế Thế giới (*cân nặng theo tuổi, chiều dài/chiều cao theo tuổi, cân nặng theo chiều dài/chiều cao, BMI theo tuổi đối với trẻ 61 đến 78 tháng*); thực hiện tốt các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm trong các bếp ăn ở cơ sở GDMN. Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng (SDD) các thể ở các độ tuổi: SDD thể nhẹ cân ở nhà trẻ là 0, 97%, ở mẫu giáo là 0,43%; SDD thể thấp còi ở nhà trẻ là 0,97%, ở mẫu giáo là 0,86%; tỷ lệ trẻ thừa cân, béo phì ở nhà trẻ là 0,32%, ở mẫu giáo là 2,58%.

## **3. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên cấp học MN**

Năm học 2025-2026, toàn cấp học MN có 117 cán bộ quản lý (CBQL), giáo viên (GV), nhân viên (NV).

Về trình độ đào tạo: Tổng số biên chế được giao năm học 2025-2026 là 119, Biên chế có mặt tại thời điểm 01/05/2026 là 117 trong đó: CBQL: 8; GV: 104; Hành chính: 5. CBQL, GV có trình độ đào tạo đạt chuẩn trở lên đạt 100%.

Về thực hiện chế độ, chính sách: Thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ, chính sách đối với đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý GDMN theo quy định của Nhà nước.

## **4. Cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi**

100% trường Mầm non trên địa bàn xã thực hiện tốt công tác kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường Mầm non đạt chuẩn quốc gia theo quy định của Bộ GDĐT và Kế hoạch của Tỉnh.

Cơ sở vật chất trường, lớp học được quan tâm đầu tư xây dựng theo hướng kiên cố hóa, chuẩn hóa. Đến nay toàn xã có 46 phòng học. Phòng học kiên cố đạt là 46 phòng, đạt tỷ lệ 100%. Các trường mầm non bảo đảm về phòng y tế, nhà bếp, công trình vệ sinh, sân chơi và đồ chơi ngoài trời theo quy định. Tuy nhiên số phòng học hiện tại vẫn chưa đáp ứng đủ số lượng học sinh, hiện tại phải bố trí tạm thời 01 phòng của Hiệu trưởng làm phòng học và đi nhờ, mượn 04 phòng học tại điểm trường trung tâm Trường mầm non Chi Lăng.

Toàn xã có 04 phòng học giáo dục nghệ thuật, 02 phòng học tin học.

Thiết bị dạy học (TBDH), đồ dùng, đồ chơi trong các cơ sở GDMN tiếp tục được quan tâm trang bị bổ sung, thay thế để đáp ứng yêu cầu chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ và từng bước nâng chuẩn hóa, hiện đại hóa hệ thống TBDH, đồ dùng, đồ chơi trong các cơ sở GDMN; góp phần nâng cao chất lượng GDMN. Bảo đảm 100% lớp mẫu giáo 5-6 tuổi đủ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi theo danh mục tối thiểu quy định để đạt chuẩn Phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi. Các lớp mẫu giáo 3-4 tuổi và 4-5 tuổi đã được quan tâm trang bị TBDH, đồ dùng, đồ chơi theo danh mục, tuy nhiên hiện chưa đủ theo quy định.

## **II. PHỔ CẬP GDMN CHO TRẺ EM 5 TUỔI**

Năm học 2025-2026, xã Chi Lăng duy trì tất cả các trường Mầm non đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi theo hướng bền vững và nâng cao chất lượng. Toàn xã có 13 lớp mẫu giáo 5-6 tuổi, với 353/362 trẻ, đạt 97,5% trẻ 5-6 tuổi ra lớp. 100% lớp 5-6 tuổi có phòng học riêng đảm bảo kiên cố; có đủ đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu theo qui định tại văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/3/2015 của Bộ GDĐT ban hành danh mục đồ dùng - đồ chơi - thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho GDMN; đảm bảo 02 GV/lớp.

100% cơ sở GDMN có lớp mẫu giáo 5-6 tuổi có sân chơi, trong đó 100% sân chơi cho trẻ đảm bảo xanh - an toàn - thân thiện; 100% sân chơi có đủ đồ chơi ngoài trời và đảm bảo an toàn cho trẻ khi hoạt động; có nguồn nước sạch, hệ thống thoát nước đảm bảo; đủ công trình vệ sinh cho trẻ, đảm bảo vệ sinh, thuận tiện trong sử dụng. Giáo viên dạy lớp 5-6 tuổi và trẻ em được hưởng đầy đủ chế độ chính sách theo quy định hiện hành.

## **III. KHÓ KHĂN, HẠN CHẾ**

Đối chiếu với điều kiện, tiêu chuẩn phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo, GDMN Chi Lăng còn một số khó khăn, hạn chế sau:

- Một số cơ sở GDMN phòng học chưa đảm bảo điều kiện về diện tích, về thiết kế để đáp ứng tiêu chuẩn thực hiện hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ; khối phòng chức năng phục vụ học tập chưa đủ theo quy định hiện hành. Một số điểm trường trung tâm có số lượng trẻ lớn số lượng phòng học chưa đáp ứng đủ vẫn phải

đi nhờ, mượn nhà văn hóa của các thôn.

- Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi các lớp mẫu giáo 3-4 tuổi và 4-5 tuổi trong các cơ sở GDMN chưa đủ theo danh mục quy định.

## **Phần thứ hai**

### **KẾ HOẠCH THỰC HIỆN PHỔ CẬP GDMN CHO TRẺ EM TỪ 3 ĐẾN 5 XÃ CHI LĂNG GIAI ĐOẠN 2026-2030**

#### **I. MỤC TIÊU**

##### **1. Mục tiêu chung**

Đảm bảo phát triển ổn định, bền vững đối với GDMN; thu hút tất cả trẻ mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi trên địa bàn xã đến trường/lớp MN; thực hiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ 2 buổi/ngày và tổ chức bán trú cho trẻ em; tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ mẫu giáo được tiếp cận GDMN và có cơ hội tiếp cận dịch vụ GDMN chất lượng; tạo nền tảng vững chắc cho công tác Phổ cập giáo dục tiểu học trên địa bàn xã.

Hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi trên địa bàn xã Chi Lăng trong năm 2026; duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giai đoạn 2027-2030.

##### **2. Mục tiêu cụ thể**

###### **2.1. Năm 2026**

- Huy động 100% trẻ 5 tuổi ra lớp.
- Huy động  $\geq 99\%$  trẻ 3 - 5 tuổi ra lớp
- Tỷ lệ trẻ hoàn thành chương trình GDMN đạt  $\geq 98\%$ .
- 100% nhóm, lớp đủ giáo viên theo quy định.
- 100% cơ sở GDMN đảm bảo điều kiện tối thiểu về cơ sở vật chất, thiết bị.
- Hoàn thiện hồ sơ và được công nhận đạt chuẩn phổ cập trong năm 2026.

###### **2.2. Giai đoạn 2027-2030**

- Duy trì vững chắc kết quả phổ cập GDMN cho trẻ 3-5 tuổi, đảm bảo các tiêu chí đạt chuẩn theo quy định của Bộ GD&ĐT, không để xảy ra tình trạng tụt chuẩn.

###### **- Huy động trẻ ra lớp đạt:**

- + 100% trẻ 5 tuổi ra lớp và hoàn thành chương trình GDMN.
- +  $\geq 99,9\%$  trẻ 3-5 tuổi ra lớp.
- + 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN, sẵn sàng vào lớp 1.

###### **- Bảo đảm đội ngũ:**

- + 100% nhóm, lớp đủ giáo viên theo định mức.
- + 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo trở lên, trong đó phần đầu  $\geq$

90% trên chuẩn.

**- Về cơ sở vật chất:**

- + 100% nhóm, lớp có phòng học kiên cố, đủ diện tích theo quy định.
- + 100% cơ sở GDMN có đủ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu, từng bước bổ sung theo hướng hiện đại.
- + Phân đầu có phòng chức năng cơ bản (giáo dục thể chất, nghệ thuật, thư viện).

**- Về chất lượng chăm sóc, giáo dục:**

- + Tỷ lệ trẻ phát triển bình thường đạt  $\geq 98\%$  theo các lĩnh vực phát triển.
- + Giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân, thấp còi xuống mức thấp hơn bình quân chung của tỉnh.
- + Đảm bảo 100% trẻ được theo dõi sức khỏe định kỳ.

**- Về quản lý và chuyển đổi số:**

- + 100% dữ liệu phổ cập được cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời trên hệ thống.
- + Ứng dụng CNTT trong quản lý, theo dõi phổ cập và chăm sóc, giáo dục trẻ.

**- Về kiểm định và nâng cao chất lượng:**

- + Duy trì kết quả phổ cập gắn với xây dựng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia.
- + Phân đầu nâng mức độ đạt chuẩn phổ cập theo hướng bền vững, chất lượng cao.

## **II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

### **1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền đối với công tác Phổ cập GDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi**

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương đối với công tác phổ cập GDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi; xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách trong năm 2026. Đưa chỉ tiêu phổ cập vào chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; tập trung chỉ đạo quyết liệt nhằm hoàn thành phổ cập trong năm 2026 theo lộ trình của xã.

Chủ động tham mưu xây dựng, ban hành các chương trình, kế hoạch, giải pháp phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương nhằm tăng cường nguồn lực đầu tư, đảm bảo đầy đủ các điều kiện về đội ngũ, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học theo quy định. Ưu tiên bố trí nguồn lực để xử lý dứt điểm các tiêu chí chưa đạt trong năm 2026.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát; tổ chức kiểm tra định kỳ và đột xuất việc thực hiện phổ cập tại các tổ dân phố và cơ sở GDMN; kịp thời phát hiện, chỉ đạo khắc phục những tồn tại, hạn chế, không để ảnh hưởng đến tiến độ hoàn thành.

Huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể trong công tác tuyên truyền, vận động nhân dân đưa trẻ từ 3 đến 5 tuổi đến trường, học 2 buổi/ngày và ăn bán trú. Giao trách nhiệm cụ thể cho các

thôn, các đoàn thể trong việc vận động, theo dõi, không để sót trẻ trong độ tuổi phổ cập.

Đưa kết quả thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi vào tiêu chí đánh giá thi đua hàng năm của các thôn, các đoàn thể và các cơ sở giáo dục mầm non; gắn trách nhiệm người đứng đầu với kết quả thực hiện, đảm bảo hoàn thành mục tiêu đề ra.

## **2. Đẩy mạnh công tác truyền thông, phổ biến nhiệm vụ Phổ cập GDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi, đảm bảo huy động trẻ em trong độ tuổi đến lớp**

Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, quán triệt sâu rộng về sự cần thiết, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của công tác Phổ cập GDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi; đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền nhằm tạo sự đồng thuận, ủng hộ của các tầng lớp Nhân dân; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, cha mẹ trẻ em, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và cộng đồng trong việc chăm lo phát triển giáo dục mầm non.

Xây dựng kế hoạch truyền thông cụ thể theo từng giai đoạn, tập trung cao điểm trong năm 2026; tăng cường tuyên truyền trực tiếp tại các thôn, đặc biệt đối với các hộ gia đình có trẻ chưa ra lớp; vận động phụ huynh đưa trẻ đến trường, học 2 buổi/ngày và ăn bán trú.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong công tác truyền thông; sử dụng hiệu quả hệ thống loa truyền thanh, mạng xã hội, nhóm Zalo cộng đồng để tuyên truyền, vận động. Kịp thời biểu dương, nhân rộng các điển hình tiên tiến, mô hình giáo dục mầm non hiệu quả.

Tuyên truyền, phổ biến kiến thức, kỹ năng nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe, bảo đảm an toàn và phát triển toàn diện cho trẻ em.

Phân đầu năm 2026 huy động  $\geq 99\%$  trẻ 3–5 tuổi ra lớp và 100% trẻ đến trường được học 2 buổi/ngày; không để sót trẻ trong độ tuổi phổ cập trên địa bàn.

## **3. Quy hoạch mạng lưới trường, lớp; đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học theo quy định**

### **3.1. Bố trí, sắp xếp mạng lưới trường, lớp phù hợp**

Rà soát, sắp xếp và thực hiện quy hoạch mạng lưới cơ sở GDMN phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; đảm bảo đủ trường, lớp đáp ứng nhu cầu huy động trẻ trong độ tuổi phổ cập.

Ưu tiên bố trí quỹ đất, tận dụng hiệu quả cơ sở vật chất hiện có; có giải pháp linh hoạt trong việc sử dụng phòng học, đảm bảo đủ chỗ học cho trẻ, đặc biệt trong năm 2026 để phục vụ công nhận phổ cập.

Khuyến khích phát triển cơ sở GDMN ngoài công lập tại các khu dân cư, khu vực có tốc độ gia tăng dân số; huy động các cơ sở ngoài công lập tham gia thực hiện nhiệm vụ phổ cập.

### **3.2. Đảm bảo cơ sở vật chất**

Rà soát toàn diện thực trạng cơ sở vật chất; xác định rõ các tiêu chí chưa đạt

để xây dựng kế hoạch đầu tư, bổ sung, sửa chữa.

Ưu tiên bố trí nguồn lực để:

- Đảm bảo 01 phòng/01 lớp mẫu giáo
- Hoàn thành các điều kiện tối thiểu về phòng học, công trình phụ trợ trong năm 2026
- Từng bước đầu tư nâng cấp phòng chức năng, bếp ăn, công trình vệ sinh, nước sạch... đảm bảo đồng bộ, đáp ứng yêu cầu chăm sóc, giáo dục trẻ.

### **3.3. Đảm bảo thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi**

Rà soát, bổ sung đầy đủ thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu theo quy định, ưu tiên các lớp 3-4 tuổi và 4-5 tuổi trong năm 2026.

Tăng cường kiểm tra, giám sát việc sử dụng thiết bị; đảm bảo khai thác hiệu quả phục vụ hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ.

Huy động các nguồn lực hợp pháp để đầu tư bổ sung thiết bị theo hướng từng bước hiện đại hóa.

## **4. Xây dựng đội ngũ CBQL, GV, NV đáp ứng điều kiện thực hiện phổ cập**

### **4.1. Công tác tuyển dụng, hợp đồng giáo viên**

Rà soát, sắp xếp đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; xây dựng kế hoạch tuyển dụng, hợp đồng, điều tiết đội ngũ phù hợp.

Thực hiện các giải pháp:

- Hợp đồng bổ sung giáo viên
- Điều tiết giữa các nhóm, lớp
- Huy động nguồn giáo viên ngoài công lập

Đảm bảo 100% nhóm, lớp đủ giáo viên theo định mức trong năm 2026.

### **4.2. Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ**

Đảm bảo 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định.

Tổ chức bồi dưỡng thường xuyên về:

- Đổi mới phương pháp giáo dục- Ứng dụng CNTT
- Tổ chức hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ

Tăng cường kiểm tra, đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp; kịp thời hỗ trợ, bồi dưỡng hoặc điều chỉnh đối với giáo viên chưa đáp ứng yêu cầu

### **4.3. Thực hiện chính sách**

Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đối với:

- Trẻ em
- Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên
- Các cơ sở GDMN

Theo đúng quy định hiện hành.

## **5. Đổi mới nội dung chương trình, nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ**

### **5.1. Nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng**

Đảm bảo môi trường giáo dục an toàn, thân thiện; phòng chống tai nạn thương tích, dịch bệnh.

Nâng cao chất lượng tổ chức bán trú; đảm bảo dinh dưỡng hợp lý, an toàn thực phẩm; giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ.

Tăng cường kiểm tra, giám sát công tác chăm sóc sức khỏe, bữa ăn bán trú, vệ sinh an toàn thực phẩm.

### **5.2. Nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN**

Thực hiện hiệu quả chương trình GDMN; đảm bảo  $\geq 98\%$  trẻ hoàn thành chương trình theo độ tuổi.

Đổi mới phương pháp giáo dục theo hướng lấy trẻ làm trung tâm; chú trọng phát triển toàn diện, giáo dục kỹ năng sống cho trẻ.

Quan tâm giáo dục hòa nhập; hỗ trợ trẻ có hoàn cảnh khó khăn.

Từng bước cho trẻ làm quen với tiếng Anh, CNTT phù hợp điều kiện địa phương; tăng cường ứng dụng phương pháp giáo dục tiên tiến.

## **6. Huy động các nguồn lực xã hội**

Ưu tiên bố trí ngân sách cho công tác phổ cập, đặc biệt các nhiệm vụ phục vụ hoàn thành phổ cập trong năm 2026.

Xây dựng dự toán kinh phí cụ thể; sử dụng hiệu quả nguồn lực được giao.

Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục; huy động sự tham gia của các tổ chức, cá nhân trong đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị.

Tạo điều kiện thuận lợi để phát triển các cơ sở GDMN ngoài công lập theo quy định.

## **III. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

Nguồn chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo cấp cho các đối tượng thụ hưởng theo phân cấp ngân sách; ưu tiên bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ phục vụ công nhận phổ cập GDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi trong năm 2026.

Nguồn vốn lồng ghép trong các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, kế hoạch, dự án khác được giao trong kế hoạch hàng năm của xã theo phân cấp quản lý hiện hành; tập trung cho đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, bổ sung điều kiện còn thiếu để đảm bảo đạt chuẩn phổ cập.

Nguồn xã hội hóa giáo dục và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác; khuyến khích sự tham gia của các tổ chức, cá nhân trong việc đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, hỗ trợ các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ.

Kinh phí được quản lý, sử dụng đúng mục đích, đúng quy định, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả; ưu tiên giải quyết dứt điểm các tiêu chí chưa đạt trong năm 2026, không để thiếu nguồn lực ảnh hưởng đến tiến độ công nhận phổ cập

#### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

##### **1. Phòng Văn hoá - Xã hội**

Chủ trì, phối hợp với các bộ phận chuyên môn, các nhà trường tham mưu UBND xã chỉ đạo triển khai thực hiện Kế hoạch; chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc tiến độ, đảm bảo hoàn thành công nhận phổ cập GDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi trong năm 2026.

Tổ chức tuyên truyền sâu rộng về công tác phổ cập GDMN; triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch; thường xuyên tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện; kịp thời báo cáo UBND xã và cơ quan cấp trên những khó khăn, vướng mắc phát sinh để chỉ đạo xử lý.

Chỉ đạo các cơ sở giáo dục trên địa bàn thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ phổ cập; tăng cường kiểm tra, giám sát, đặc biệt đối với các tiêu chí còn hạn chế; kiên quyết khắc phục dứt điểm các tồn tại trước thời điểm đề nghị công nhận năm 2026.

Chủ trì rà soát, tham mưu bố trí, sắp xếp đội ngũ CBQL, giáo viên, nhân viên đảm bảo đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu, đạt chuẩn theo quy định; không để xảy ra tình trạng thiếu giáo viên ảnh hưởng đến công tác phổ cập.

Triển khai đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đối với trẻ em, CBQL, giáo viên, nhân viên theo quy định; thực hiện hiệu quả cơ chế, chính sách khuyến khích xã hội hóa giáo dục; tạo điều kiện thuận lợi để phát triển các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập.

Chỉ đạo các cơ sở GDMN:

- Chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện phổ cập gắn với nhiệm vụ năm học;
- Rà soát, huy động 100% trẻ trong độ tuổi 3-5 tuổi ra lớp, đặc biệt trẻ 5 tuổi;
- Tổ chức cho trẻ học 2 buổi/ngày, ăn bán trú theo quy định;
- Chủ động tham mưu đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học;
- Tăng cường phối hợp giữa trường công lập và các cơ sở độc lập tư thực trong việc cập nhật, đồng bộ dữ liệu trẻ trên hệ thống phổ cập, đảm bảo chính xác, không trùng lặp, không bỏ sót.

##### **2. Phòng Kinh tế; Văn phòng HĐND và UBND xã**

Tham mưu UBND xã đảm bảo nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch; ưu tiên bố trí kinh phí trong năm 2026 để hoàn thành các tiêu chí phổ cập.

Hàng năm, phối hợp với Phòng Văn hoá - Xã hội căn cứ khả năng ngân sách, tham mưu bố trí kinh phí đầy đủ, kịp thời theo quy định; hướng dẫn các đơn vị sử dụng hiệu quả các nguồn vốn (ngân sách nhà nước, xã hội hóa...) phục vụ công tác phổ cập.

Ưu tiên đầu tư, cải tạo, bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ sở GDMN; tập trung xử lý các hạng mục còn thiếu, chưa đạt chuẩn trước thời điểm đề nghị công nhận năm 2026.

### **3. Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công**

Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động nhân dân về chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác phổ cập GDMN; trách nhiệm của cơ quan, doanh nghiệp, cộng đồng xã hội trong việc chung tay hỗ trợ, chăm sóc trẻ em.

### **4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội**

Tăng cường phối hợp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác phổ cập GDMN; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cộng đồng trong việc đưa trẻ đến trường.

Phát huy vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể đối với việc thực hiện công tác phổ cập tại địa phương; kịp thời phản ánh, kiến nghị các khó khăn, vướng mắc để phối hợp giải quyết.

Đẩy mạnh các phong trào thi đua, cuộc vận động gắn với công tác phổ cập; phối hợp với các thôn, nhà trường rà soát, vận động từng hộ gia đình, đảm bảo không để trẻ trong độ tuổi 3-5 tuổi không đến trường.

### **5. Các cơ sở giáo dục Mầm non trên địa bàn**

Tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc Kế hoạch phổ cập GDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi; xây dựng kế hoạch cụ thể của đơn vị, đảm bảo hoàn thành các tiêu chí phổ cập trong năm 2026.

Chủ động rà soát, cập nhật chính xác số liệu trẻ em trong độ tuổi từ 3 đến 5 tuổi trên địa bàn; phối hợp với các thôn vận động 100% trẻ trong độ tuổi ra lớp, không để sót đối tượng.

Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng; duy trì tỷ lệ trẻ học 2 buổi/ngày, ăn bán trú theo quy định; nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.

Rà soát, bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học; tham mưu với chính quyền địa phương để kịp thời hoàn thiện các điều kiện còn thiếu, đảm bảo đạt chuẩn phổ cập trước thời điểm đề nghị công nhận năm 2026.

Bố trí, sử dụng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên hợp lý, đảm bảo đủ số lượng, đạt chuẩn theo quy định; nâng cao chất lượng đội ngũ đáp ứng yêu cầu phổ cập.

Thực hiện cập nhật, quản lý dữ liệu phổ cập trên hệ thống đầy đủ, chính xác, kịp thời; phối hợp với các cơ sở ngoài công lập trong việc thống nhất số liệu, tránh trùng lặp, sai sót.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn xã Chi Lăng, Ủy ban nhân

dân xã yêu cầu các phòng, ban, đơn vị có liên quan và các trường, cơ sở giáo dục  
Mầm non trên địa bàn nghiêm túc triển khai thực hiện./.

***Nơi nhận:***

- Sở GD&ĐT tỉnh Bắc Ninh (b/c)
- TT Đảng ủy, HĐND xã (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Ủy ban MTTQ VN xã (p/h);
- Các cơ quan chuyên môn, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND xã (t/h);
- Lưu: VT, VHXH.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Trường Thịnh**

**PHỤ LỤC**  
**TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN VÀ PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM CÔNG TÁC**  
**PHỔ CẬP GDMN CHO TRẺ EM 3 - 5 TUỔI**  
**XÃ CHI LĂNG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030**

**BẢNG 1. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN NĂM 2026**

<b>Thời gian</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Đơn vị chủ trì</b>	<b>Đơn vị phối hợp</b>	<b>Kết quả/Chỉ tiêu cần đạt</b>
<b>Tháng 5/2026</b>	Kiện toàn Ban chỉ đạo; triển khai Kế hoạch	UBND xã	Phòng VH-XH, các trường MN	Kế hoạch được triển khai đồng bộ
	Rà soát, cập nhật số liệu trẻ 3-5 tuổi	Phòng VH-XH	Trường MN, tổ dân phố	Dữ liệu chính xác, không trùng, không sót
	Tuyên truyền, vận động trẻ ra lớp	MTTQ, đoàn thể	Trường MN	Tỷ lệ huy động tăng, tiến tới $\geq 99\%$
<b>Tháng 6/2026</b>	Rà soát các tiêu chí phổ cập	Phòng VH-XH	Trường MN	Xác định đầy đủ tiêu chí chưa đạt
	Bổ sung CSVC, thiết bị, đội ngũ	UBND phường	Các bộ phận	Khắc phục cơ bản các tiêu chí
	Rà soát, vận động trẻ chưa ra lớp	Trường MN	Tổ dân phố	100% trẻ được tiếp cận; có hồ sơ giải trình nếu chưa ra lớp
	Kiểm tra nội bộ lần 1	Phòng VH-XH	Các đơn vị	Có kết luận, yêu cầu khắc phục
<b>Tháng 7 - 8/2026</b>	Tiếp tục huy động trẻ ra lớp (chuẩn bị năm học mới)	Trường MN	Đoàn thể	Đạt $\geq 99\%$ trẻ 3-5 tuổi ra lớp
	Hoàn thiện dữ liệu phổ cập	Phòng VH-XH	Trường MN	Dữ liệu đầy đủ, chính xác
<b>Tháng 9 - 10/2026</b>	Rà soát, chốt danh sách trẻ 3-5 tuổi	Phòng VH-XH	Trường MN, tổ dân phố	100% trẻ được cập nhật; tỷ lệ huy động $\geq 99\%$ , có minh chứng đầy đủ
	Hoàn thiện các tiêu chí phổ cập	UBND phường	Các đơn vị	Đạt 100% tiêu chí
	Hoàn thiện hồ sơ đề nghị công nhận	Phòng VH-XH	Trường MN	Hồ sơ đúng quy định
<b>Tháng 11/2026</b>	Tự kiểm tra, đề nghị thẩm định	UBND phường	Các đơn vị	Đạt yêu cầu kiểm tra
<b>Tháng 12/2026</b>	Đón đoàn kiểm tra, hoàn thiện bổ sung	UBND phường	Toàn hệ thống	Được công nhận đạt chuẩn

**BẢNG 2. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2027–2030**

<b>Thời gian</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Đơn vị chủ trì</b>	<b>Đơn vị phối hợp</b>	<b>Chỉ tiêu/Kết quả cần đạt</b>
<b>Năm 2027</b>	Đánh giá sau công nhận phổ cập	UBND phường	Phòng VH-XH, trường MN	100% tiêu chí được duy trì
	Huy động trẻ 3 - 5 tuổi ra lớp	Trường MN	Tổ dân phố	≥ 99 - 100% trẻ ra lớp
	Tổ chức học 2 buổi/ngày, bán trú	Trường MN	Phòng VH-XH	100% trẻ học 2 buổi/ngày
<b>Năm 2028</b>	Nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục	Trường MN	Phòng VH-XH	Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng hằng năm
	Phát triển đội ngũ	Phòng VH-XH	Trường MN	100% đạt chuẩn, ≥ 80% trên chuẩn
	Tự kiểm tra phổ cập	UBND phường	Các đơn vị	Không có tiêu chí suy giảm
<b>Năm 2029</b>	Cập nhật dữ liệu phổ cập	Phòng VH-XH	Trường MN	100% dữ liệu chính xác
	Tăng cường xã hội hóa	UBND phường	Đoàn thể	Tăng nguồn lực hằng năm
	Kiểm tra, khắc phục tồn tại	UBND phường	Các đơn vị	100% tồn tại được xử lý
<b>Năm 2030</b>	Tổng kết giai đoạn	UBND phường	Các đơn vị	Báo cáo đầy đủ
	Duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập	Phòng VH-XH	Trường MN	100% tiêu chí đạt, bền vững
	Phát triển đội ngũ	Phòng VH-XH	Trường MN	≥ 80% giáo viên trên chuẩn
	Chuyển đổi số trong quản lý	Phòng VH-XH	Trường MN	100% dữ liệu số hóa